

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 123/2021/HS-PT

Ngày: 25/10/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài Xuân.

Các Thẩm phán: Ông Lê Xuân Hải; Ông Nguyễn Thanh Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Mỹ Tiên - Thư ký TAND tỉnh Bình Định

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa:

Ông Nguyễn Văn Phụng - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 107/2021/TLPT-HS ngày 08 tháng 9 năm 2021 đối với bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Tuấn S do có kháng cáo của các bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 38/2021/HS-ST ngày 28 tháng 7 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện TS.

- Bị cáo có kháng cáo:

1. NGUYỄN VĂN T, sinh năm 1982; Hộ khẩu thường trú: 27/3/1 XVNT, phường 27, quận BT, thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: Thôn TG 2, xã TG, huyện TS, tỉnh Bình Định; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1951 và bà Đỗ Thị L, sinh năm 1959; vợ: Nguyễn Thị D, sinh năm 1982; con: 01 người, sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

2. NGUYỄN TUẤN S, sinh năm 1991; nơi cư trú: Thôn TG 2, xã TG, huyện TS, tỉnh Bình Định; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Trung T, sinh năm 1961 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1961; vợ: Phan Thị Thanh T, sinh năm 1994; con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/02/2021 cho đến nay. Có mặt.

- Người bào chữa cho các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Tuấn S: Ông Nguyễn Trọng Nghĩa - Luật sư của Văn phòng luật sư Thiên Lý thuộc Đoàn luật sư tỉnh Đắk Nông (có mặt).

Địa chỉ: 41 Lê Thị Hồng Gấm, phường Nghĩa Trung, thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 8/2019, chị Cao Thị Trúc L có vay của chị Nguyễn Thị D số tiền 20.000.000 đồng. Chị D thu tiền lãi trước là 1.600.000 đồng, số tiền gốc chị L phải trả thời hạn 25 ngày. Đến hạn trả nợ, chị L đã trả được 6.600.000 đồng tiền gốc, còn nợ 13.400.000 đồng thì không có khả năng trả nợ. Chị D cùng chồng là Nguyễn Văn T gọi điện thoại đòi nợ nhiều lần nhưng vợ chồng chị L chưa trả.

Chiều ngày 04/10/2019, khi thấy Tào Đình V điều khiển xe mô tô chở con gái đi trên quốc lộ 19. T gọi điện thoại cho V để đòi nợ nhưng V không nghe máy. Đến khoảng 21 giờ cùng ngày, T tiếp tục điện thoại thì V nói chưa có khả năng trả nợ. Tức giận, T điều khiển xe mô tô đến nhà cha mẹ ruột của L là ông Cao Văn Kh và bà Trần Thị L để tìm vợ chồng V nói chuyện nợ nần. Khi T nói chuyện điện thoại với V, D ngồi bên cạnh nên biết được nội dung cuộc nói chuyện. Sau khi T đi được khoảng 05 phút, D đoán biết được T đến nhà ông Kh để đòi nợ sẽ gây chuyện, dễ xảy ra đánh nhau nên D cùng em ruột là Nguyễn Tuấn S ở cạnh nhà cùng đi một xe mô tô đến nhà ông Kh, mục đích để can ngăn T. Khi đến nhà ông Kh, T vào đứng trước hè nhà gặp và hỏi con gái ông Kh là Cao Thanh Nh “V Đâu, V đâu?”. Do không có vợ chồng chị L, anh V ở nhà nên Nh trả lời “Không có ở nhà”, cho rằng chị Nh nói dối nên T dùng khoảng 3-4 chai bia Quy Nhơn bằng thủy tinh để ở hè nhà ném vào tủ kính để đồ bán hàng hóa và bán nước gây vỡ kính rồi lớn tiếng la chửi, yêu cầu vợ chồng V ra nói chuyện. Chị Nh hoảng sợ bỏ đi ra phía sau nhà. Vợ chồng ông Kh ở sau nghe ồn ào nên đi ra phía trước nhà, gặp T ông Kh nói “Con L là con tao, nhưng nó đã lớn, có gia đình, nợ nần có gì tìm nó, không liên quan đến tao”. T tức giận vì nghĩ rằng vợ chồng ông Kh bao che cho con gái, nên tiếp tục dùng khoảng 02 chai bia ném xuống đất và ném vào tủ kính. Lúc này, S, D đến; D đến đứng sau T, D cũng lớn tiếng yêu cầu vợ chồng V - L ra nói chuyện còn S đứng bên ngoài cổng ngõ nhà ông Kh. T nhìn thấy chiếc xe đạp điện nhãn hiệu Espero màu sơn đỏ dựng ở sân trước nhà ông Kh, cách cổng ngõ 5,2m, chìa khóa gắn trên xe. T nói “Chiếc xe này của con L, dắt đem về”, rồi T đến dắt xe đạp thì ông Kh đến nắm giữ yên xe nói “Xe của tao sao mày dắt đi” nhưng không giữ được. T dắt xe đạp ra khỏi cổng rồi xô ngã xuống đường bê tông. T quay lại lấy một vỏ chai bia đến đứng trước cổng ngõ nhà ông Kh đập vỡ phần đáy chai hăm dọa “Đứa nào ngon ra đụng vào xe đạp là có chuyện”, gia đình ông Kh không ai dám ra nên T bảo S điều khiển xe đạp điện đem về nhà. S hỏi lại T “Lấy xe đạp người ta vậy có sao không?”, T trả lời “Cứ đem về, có gì tao chịu”. S điều khiển xe đạp điện, T và D mỗi người điều khiển một xe mô tô ra về. Khi về đến nhà, T đem

xe đạp điện vào cất giữ trong nhà. Gia đình ông Kh báo cáo sự việc với cơ quan công an.

Cơ quan CSĐT Công an huyện TS đã tiến hành thu giữ tang vật vụ án: Một xe đạp điện nhãn hiệu Espero màu sơn đỏ và đã xử lý giao trả lại cho chủ sở hữu là ông Cao Văn Kh.

Tại kết luận định giá tài sản ngày 12/12/2019, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện TS xác định: Tổng giá trị tài sản T làm hư hỏng gồm: 02 chai bia Quy Nhơn, 04 vỏ chai bia Quy Nhơn, 02 tấm kính có giá là 405.000 đồng; xe đạp điện có giá 4.502.000 đồng.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 38/2021/HS-ST ngày 28/7/2021 của Tòa án nhân dân huyện TS đã quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Tuấn S phạm tội “*Cướp tài sản*”.

* Căn cứ khoản 1 Điều 168; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 30 (Ba mươi) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án.

* Căn cứ khoản 1 Điều 168; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Tuấn S 18 (Mười tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam ngày 16/02/2021.

* Về bồi thường thiệt hại: Người bị hại không có yêu cầu bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử miễn xét.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của những người tham gia tố tụng.

- Ngày 03/8/2021, bị cáo Nguyễn Văn T kháng cáo cho rằng bị cáo không phạm tội “Cướp tài sản”, đề nghị xử bị cáo tội Công nhiên chiếm đoạt tài sản và áp dụng Điều 29; Điều 51; Điều 54 BLHS, miễn trách nhiệm hình sự hoặc xử bị cáo 03 năm cải tạo không giam giữ.

- Ngày 05/8/2021, bị cáo Nguyễn Tuấn S kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên toà Kiểm sát viên đề nghị quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật tố tụng hình sự. Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Tuấn S; Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Luật sư Nguyễn Trọng Nghĩa bào chữa cho hai bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Tuấn S: Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử hai bị cáo về tội “Cướp tài sản” theo

khoản 1 Điều 168 BLHS là chưa có cơ sở. Vì các bị cáo không đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc để cướp tài sản của ông Cao Văn Kh hoặc buộc ông Kh phải giao tài sản. Trong vụ án này các bị cáo đã ngang nhiên lấy xe đạp điện là tài sản của ông Kh. Do đó hành vi đó chỉ cấu thành tội “Công nhiên chiếm đoạt tài sản”. Về tình tiết giảm nhẹ, đề nghị hội đồng xét xử cho các bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “Phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 51 BLHS. Áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 BLHS đối với bị cáo T vì bị hại cũng có một phần lỗi. Đối với bị cáo S phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; phạm tội trong trường hợp bị hạn chế khả năng nhận thức mà không phải do lỗi của mình gây ra; bị hại có đơn xin bãi nại nên cho bị cáo S được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, 1 khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS.

Đề nghị hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 298 BLHS tuyên xử các bị cáo về tội “Công nhiên chiếm đoạt tài sản”. Áp dụng Điều 29, Điều 51; Điều 54 BLHS, miễn trách nhiệm hình sự hoặc 03 năm cải tạo không giam giữ đối với bị cáo T. Áp dụng Điều 59 BLHS, miễn hình phạt đối với bị cáo S.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện TS, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện TS, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Do đó, hội đồng xét xử có đủ căn cứ để xác định vụ án như sau:

Xuất phát từ việc vợ chồng chị Cao Thị Trúc L vay tiền của vợ chồng bị cáo Nguyễn Văn T, vợ chồng T nhiều lần đòi nợ nhưng vợ chồng chị L không trả nên khoảng 21 giờ ngày 04/10/2019, bị cáo T đã đến nhà cha mẹ chị L là ông Cao Văn Kh, bà Trần Thị L để tìm gặp vợ chồng L đòi nợ. Khi đến nhà ông Kh nhưng không gặp vợ chồng L, bị cáo T cho rằng vợ chồng ông Kh bao che cho con gái mình nên T dùng khoảng 3-4 chai bia Quy Nhơn bằng thủy tinh ném vào tủ kính để đồ bán hàng hóa và bán nước của nhà ông Kh gây vỡ kính rồi lớn tiếng la chửi, mặc dù ông Kh giải thích việc nợ nần giữa chị L và bị cáo T không liên quan đến ông, nhưng T vẫn tiếp tục dùng vỏ chai bia ném vào tủ kính và ném xuống đất, rồi T đến dắt xe

đạp điện nhãn hiệu Espero màu sơn đỏ của ông Kh, ông Kh không cho nhưng T vẫn giật lại, dắt xe đạp ra khỏi cổng rồi quay lại lấy một vỏ chai bia đập vỡ phần đáy chai hăm dọa: “Đứa nào ngon ra đụng vào xe đạp là có chuyện”, đồng thời nói với Nguyễn Tuấn S (là em vợ của T) dắt xe đạp về, S chứng kiến toàn bộ hành vi của T dùng vũ lực đe dọa gia đình ông Kh nhưng vẫn làm theo yêu cầu của T và điều khiển xe đạp điện về nhà. Trị giá tài sản chiếm đoạt 4.502.000đ (Bốn triệu năm trăm lẻ hai nghìn đồng). Do đó, tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Tuấn S về tội “Cướp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 168 của BLHS là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Tuấn S, hội đồng xét xử thấy rằng: Khoảng 21 giờ ngày 04/10/2019, bị cáo Nguyễn Văn T đã đến nhà cha mẹ chị Cao Thị Trúc L là ông Cao Văn Kh, bà Trần Thị L để tìm gặp vợ chồng L đòi nợ. Tại nhà ông Kh, do không gặp được vợ chồng chị L nên T đã liên tiếp dùng vỏ chai bia Quy Nhơn ném vào tủ kính nhà ông Kh đe dọa nhằm chiếm đoạt tài sản của ông Kh, bị cáo T la lối rồi dắt xe đạp điện của ông Kh ra khỏi cổng, tiếp đến bị cáo đập bể phần đáy vỏ chai bia đe dọa “Đứa nào ngon ra đụng vào xe đạp là có chuyện”, làm gia đình ông Kh hoảng sợ, sau đó nói bị cáo S dắt xe đạp điện về nhà. Bị cáo T đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc để chiếm đoạt tài sản của gia đình ông Kh, bị cáo S đã giúp sức cho bị cáo T chiếm đoạt tài sản trên nên các bị cáo đã phạm vào tội “Cướp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 168 của BLHS, có khung hình phạt từ 3 năm đến 10 năm tù, tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 BLHS, xử phạt các bị cáo dưới mức khởi điểm của khung hình phạt là phù hợp, nên cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Luật sư đưa ra luận cứ bào chữa cho rằng các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Tuấn S không phạm tội: “Cướp tài sản” mà phạm tội “Công nhiên chiếm đoạt tài sản” và đề nghị hội đồng xét xử áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1; khoản 2 Điều 51 BLHS đối với hai bị cáo T, S. Bị cáo S áp dụng thêm điểm i, l khoản 1 Điều 51 BLHS. Miễn trách nhiệm hình sự hoặc 03 năm cải tạo không giam giữ đối với bị cáo T. Miễn hình phạt đối với bị cáo S. Qua luận cứ bào chữa của luật sư, về phần tội danh, các bị cáo phạm tội “Cướp tài sản”, hội đồng xét xử đã nhận định trong bản án. Hành vi phạm tội mà các bị cáo gây ra cho bị hại Cao Văn Kh là thiệt hại cả về vật chất và về tinh thần nên không áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “Phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 51 BLHS cho cả hai bị cáo. Các bị cáo phạm tội có khung hình phạt từ 3 năm đến 10 năm tù, phạm tội thuộc trường hợp rất nghiêm trọng nên không được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “Phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng” quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 BLHS đối với bị cáo S; khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo S không bị hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi, do đó không áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “phạm tội trong trường hợp bị hạn

chế khả năng nhận thức mà không phải do lỗi của mình gây ra” quy định tại điểm 1 khoản 1 Điều 51 BLHS. Do đó, luận cứ bào chữa của Luật sư không phù hợp với nhận định của hội đồng xét xử, nên không được chấp nhận.

[5] Về án phí: Các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Tuấn S phải chịu án phí Hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo; Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[2] Căn cứ vào khoản 1 Điều 168; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 30 (Ba mươi) tháng tù về tội “Cướp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 168; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Tuấn S 18 (Mười tám) tháng tù về tội “Cướp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam ngày 16/02/2021.

[3] Về án phí: Các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Tuấn S mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí Hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT.1 TANDTC;
- VKSND tỉnh Bình Định;
- Trại tạm giam tỉnh Bình Định;
- TA, VKS, CQĐT CA huyện TS;
- Cơ quan THAHS CA huyện TS;
- Chi cục THADS huyện TS;
- Cơ quan HSNV CA tỉnh Bình Định;
- Những người tham gia tố tụng;
- Sở tư pháp tỉnh Bình Định;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hoài Xuân